TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

DAI-ICHI LIFE
Gắn bó dài lâu.

AN TÂM SONG HÀNH

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

Bảo vệ 66 năm với Số tiền bảo hiểm 500.000.000 đồng

BẢO VỆ TÀI CHÍNH GIA ĐÌNH TRƯỚC RỦI RO

- **Nhận giá trị lớn hơn giữa 500.000.000 đồng hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng**
Bảo vệ tài chính khi Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
- **Nhận 100.000.000 đồng hoặc 250.000.000 đồng**
Bảo vệ tài chính khi tử vong do tai nạn hoặc tử vong do tai nạn đặc biệt.
- **Lên đến 30.000.000 đồng**
Chu toàn hậu sự khi tử vong.
- **Song hành bảo vệ mà không tăng phí**
Bảo vệ thêm một người thân với quyền lợi bảo hiểm tai nạn mà không tăng phí

TÍCH LŨY TƯƠNG LAI VỮNG CHẮC

- Hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ Liên kết chung và đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết.
- **Nhận 2.783.039.700 đồng**
Tổng Thưởng Duy trì hợp đồng và Thưởng Gắn bó dài lâu.
- **Nhận 19.903.769.700 đồng**
Đáo hạn hợp đồng.

Các giá trị trên đây được minh họa tại mức lãi suất đầu tư 6%/năm.

*Quét QR code ngay để tận hưởng tiện ích **Dai-ichi Connect** giúp quản lý hợp đồng hiệu quả và yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nhanh chóng.*

0 0 0 4

TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM
Hoạt động kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn
theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH-ĐT cấp ngày 12/10/1999 và các Giấy phép điều chỉnh khác với vốn điều lệ gần 9.800 tỷ VNĐ.
Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
☎ Điện thoại: (028) 3810 0888 Fax: (028) 3997 3000 Website: https://www.dai-ichi-life.com.vn

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

		Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Người được bảo hiểm chính	**NĐBH.1**	Nguyễn Văn A	Nam	34	1
Bên mua bảo hiểm	**BMBH**	Nguyễn Văn A	Nam	34	1
Người được song hành bảo vệ	**NĐBH.2**	Nguyễn Văn B	Nam	32	1

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Người được bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm ban đầu (đồng)	Phí bảo hiểm cơ bản ban đầu (đồng/năm)
Sản phẩm chính: Bảo hiểm Liên kết chung **An Tâm Song Hành**	**NĐBH.1**	66	500.000.000	11.155.000
Sản phẩm bổ trợ:				
- BH Tai Nạn Cao Cấp	**NĐBH.1**	41	2.500.000.000	8.000.000
- BH Hỗ Trợ Viện Phí	**NĐBH.1**	gia hạn hàng năm	100.000	225.000

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ THEO ĐỊNH KỲ

Đơn vị tính: đồng	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm cơ bản ban đầu	19.380.000	9.690.000	4.845.100
Phí bảo hiểm cơ bản Sản phẩm chính	11.155.000	5.577.500	2.788.800
Phí bảo hiểm cơ bản các sản phẩm bổ trợ	8.225.000	4.112.500	2.056.300
Phí bảo hiểm đóng thêm năm đầu	5.620.000		
Tổng phí bảo hiểm dự kiến năm đầu	25.000.000		

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM
BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH

STBH: Số tiền bảo hiểm NĐBH: Người được bảo hiểm GTTKHĐ: giá trị Tài khoản hợp đồng

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI
QLBH Tử vong	NĐBH chính tử vong không do tai nạn	Nhận giá trị lớn hơn của 500.000.000 đồng và GTTKHĐ.
	NĐBH chính tử vong do tai nạn trước tuổi 66	Thêm 100.000.000 đồng.
	NĐBH chính tử vong do tai nạn đặc biệt trước tuổi 66	Thêm 250.000.000 đồng.
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	NĐBH chính thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 66	Nhận giá trị lớn hơn của 500.000.000 đồng và GTTKHĐ.
QLBH Chu toàn hậu sự	Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH tử vong	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng.
QLBH Song hành bảo vệ	Người được song hành bảo vệ tử vong do tai nạn trước tuổi 66	Thêm 100.000.000 đồng.
	Người được song hành bảo vệ tử vong do tai nạn đặc biệt trước tuổi 66	Thêm 250.000.000 đồng.
QLBH Tăng bảo vệ các sự kiện đặc biệt	NĐBH chính kết hôn/ sinh con; hoặc Con của NĐBH chính vào học cấp 1/ 2/ 3, Cao đẳng hoặc Đại học	Yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm mà không cần thẩm định lại sức khỏe.

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ	SỰ KIỆN	QUYỀN LỢI
Quyền lợi Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung	Hàng tháng, hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung. Lãi suất đầu tư thực tế có thể tăng/giảm nhưng mọi trường hợp sẽ không thấp hơn lãi suất cam kết dưới đây:	
Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng	Vào ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 4 và đều đặn vào mỗi 2 năm sau đó	Nhận 2% GTTKHĐ trung bình của 24 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.
Quyền lợi Thưởng Gắn bó dài lâu	Vào ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10 và 20	Nhận 10% GTTKHĐ trung bình của 120 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm	Nhận 100% GTTKHĐ.

Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 25	Từ năm thứ 26 trở đi
Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)	3%	2%	1%	0,50%	0,25%

Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm.

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ| TUỔI NĐBH	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	GIÁ TRỊ MINH HỌA ĐẢM BẢO TẠI LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				GIÁ TRỊ MINH HỌA KHÔNG ĐẢM BẢO TẠI CÁC MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				KHOẢN TIỀN RÚT RA DỰ KIẾN
		Cam kết				4,5%/năm		6%/năm		
		STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ trợ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	
1 | 34	25.000	500.000	2.500.100		1.561		1.644		1.728	
2 | 35	25.000	500.000	2.500.100		11.912		12.395		12.722	
3 | 36	25.000	500.000	2.500.100		23.364		24.547		25.309	
4 | 37	25.000	500.000	2.500.100	671	36.606	698	38.858	715	40.295	
5 | 38	25.000	500.000	2.500.100		51.344		55.070		57.451	
6 | 39	25.000	500.000	2.500.100	1.265	69.032	1.344	74.786	1.394	78.486	
7 | 40	25.000	500.000	2.500.100		85.758		94.001		99.349	
8 | 41	25.000	500.000	2.500.100	1.954	104.662	2.124	116.105	2.234	123.606	
9 | 42	25.000	500.000	2.500.100		121.946		137.051		147.067	
10 | 43	25.000	500.000	2.500.100	9.463	148.988	10.359	169.268	10.949	182.867	
11 | 44	25.000	500.000	2.500.100		165.421		192.605		209.917	
12 | 45	25.000	500.000	2.500.100	3.546	185.523	4.101	221.095	4.453	243.070	
13 | 46	25.000	500.000	2.500.100		202.208		246.752		273.779	
14 | 47	25.000	500.000	2.500.100	4.282	223.315	5.186	278.791	5.734	312.148	
15 | 48	25.000	500.000	2.500.100		240.354		307.184		347.238	
16 | 49	25.000	500.000	2.500.100	5.039	261.287	6.398	343.345	7.208	391.801	
17 | 50	25.000	500.000	2.500.100		277.302		374.908		432.093	
18 | 51	25.000	500.000	2.500.100	5.783	299.105	7.755	415.754	8.911	483.928	
19 | 52	25.000	500.000	2.500.100		315.274		450.970		530.244	
20 | 53	25.000	500.000	2.500.100	31.736	363.263	42.002	530.063	48.066	627.405	
21 | 54	25.000	500.000	2.500.100		380.095		570.898		682.330	
22 | 55	25.000	500.000	2.500.100	7.840	404.926	11.684	625.254	13.930	754.481	
23 | 56	25.000	500.000	2.500.100		422.171		670.301		816.960	

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ| TUỔI NĐBH	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	GIÁ TRỊ MINH HỌA ĐẢM BẢO TẠI LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				GIÁ TRỊ MINH HỌA KHÔNG ĐẢM BẢO TẠI CÁC MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				KHOẢN TIỀN RÚT RA DỰ KIẾN
		Cam kết				4,5%/năm		6%/năm		
		STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ trợ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	
24 | 57	25.000	500.000	2.500.100	8.683	448.331	13.676	731.052	16.631	899.818	
25 | 58	25.000	500.000	2.500.100		466.249		780.860		971.017	
26 | 59	25.000	500.000	2.500.100	9.559	492.832	15.892	848.802	19.721	1.066.209	
27 | 60	25.000	500.000	2.500.100		510.131		903.909		1.147.391	
28 | 61	25.000	500.000	2.500.100	10.440	537.740	18.358	979.678	23.258	1.256.525	
29 | 62	25.000	500.000	2.500.100		554.979		1.040.498		1.348.949	
30 | 63	25.000	500.000	2.500.100	11.337	583.598	21.096	1.125.151	27.302	1.474.220	
31 | 64	25.000	500.000	2.500.100		600.951		1.192.518		1.579.705	
32 | 65	25.000	500.000	2.500.100	12.257	630.605	24.143	1.287.059	31.931	1.723.450	
33 | 66	25.000	500.000	2.500.100		647.903		1.361.535		1.843.712	
34 | 67	25.000	500.000	2.500.100	13.196	678.441	27.530	1.466.893	37.227	2.008.416	
35 | 68	25.000	500.000	2.500.100		695.859		1.549.462		2.145.775	
36 | 69	25.000	500.000	2.500.100	14.155	727.476	31.297	1.667.043	43.287	2.334.663	
37 | 70	25.000	500.000	2.500.100		745.017		1.758.618		2.491.597	
38 | 71	25.000	500.000	2.500.100	15.138	777.566	35.488	1.889.627	50.223	2.707.992	
39 | 72	25.000	500.000	2.500.100		795.060		1.991.042		2.887.149	
40 | 73	25.000	500.000	2.500.100	16.139	828.737	40.148	2.137.169	58.158	3.135.212	
41 | 74	25.000	500.000	2.500.100		846.359		2.249.724		3.340.002	
42 | 75	25.000	500.000		17.211	889.553	45.379	2.421.233	67.289	3.632.947	
43 | 76	25.000	500.000			915.644		2.555.082		3.876.179	
44 | 77	25.000	500.000		18.560	960.360	51.462	2.746.416	78.008	4.212.013	
45 | 78	25.000	500.000			986.628		2.894.898		4.489.989	
46 | 79	25.000	500.000		19.980	1.032.942	58.273	3.108.335	90.321	4.874.965	

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ| TUỔI NĐBH	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	GIÁ TRỊ MINH HỌA ĐẢM BẢO TẠI LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				GIÁ TRỊ MINH HỌA KHÔNG ĐẢM BẢO TẠI CÁC MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				KHOẢN TIỀN RÚT RA DỰ KIẾN
		Cam kết				4,5%/năm		6%/năm		
		STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ trợ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	
47 | 80	25.000	500.000			1.059.391		3.273.103		5.192.718	
48 | 81	25.000	500.000		21.435	1.107.342	65.854	3.511.140	104.418	5.633.955	
49 | 82	25.000	500.000			1.133.977		3.694.035		5.997.248	
50 | 83	25.000	500.000		22.927	1.183.606	74.291	3.959.450	120.557	6.502.895	
51 | 84	25.000	500.000			1.210.433		4.162.518		6.918.324	
52 | 85	25.000	500.000		24.456	1.261.782	83.681	4.458.406	139.034	7.497.712	
53 | 86	25.000	500.000			1.288.804		4.683.927		7.972.830	
54 | 87	25.000	500.000		26.024	1.341.917	94.131	5.013.728	160.187	8.636.642	
55 | 88	25.000	500.000			1.369.139		5.264.239		9.180.096	
56 | 89	25.000	500.000		27.631	1.424.060	105.763	5.631.786	184.405	9.940.561	
57 | 90	25.000	500.000			1.451.487		5.910.109		10.562.250	
58 | 91	25.000	500.000		29.278	1.508.261	118.708	6.319.665	212.131	11.433.371	
59 | 92	25.000	500.000			1.535.899		6.628.943		12.144.629	
60 | 93	25.000	500.000		30.966	1.594.572	133.116	7.085.255	243.873	13.142.435	
61 | 94	25.000	500.000			1.622.426		7.428.984		13.956.237	
62 | 95	25.000	500.000		32.697	1.683.046	149.151	7.937.333	280.214	15.099.080	
63 | 96	25.000	500.000			1.711.121		8.319.406		16.030.280	
64 | 97	25.000	500.000		34.471	1.773.737	166.998	8.885.670	321.819	17.339.171	
65 | 98	25.000	500.000			1.802.038		9.310.419		18.404.777	
66 | 99	25.000	500.000		36.290	1.866.700	186.861	9.941.141	369.451	19.903.770	
Tổng cộng	1.650.000			524.408		1.652.945		2.783.040		

MINH HỌA PHÂN BỔ PHÍ

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN	PHÍ BẢO HIỂM ĐÓNG THÊM	PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỔ		PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG	PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO (Tại mức lãi suất đầu tư cam kết)		PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỔ TRỢ THAY ĐỔI THEO ĐỊNH KỲ NĂM		
				Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ		Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe toàn cầu	Hỗ trợ viện phí
1	25.000	19.380	5.620	8.296	2.056	554	1.013	7.390			225
2	25.000	19.380	5.620	13.316	5.758	598	1.050	7.390			225
3	25.000	19.380	5.620	13.874	6.169	645	1.097	7.390			225
4	25.000	19.380	5.620	14.432	6.580	694	1.146	7.390			225
5	25.000	19.380	5.620	15.547	7.403	720	1.192	7.390			225
6	25.000	19.380	5.620	16.384	7.978	720	1.243	7.390			225
7	25.000	19.380	5.620	16.384	7.978	720	1.294	7.390			225
8	25.000	19.445	5.555	16.320	8.041	720	1.347	7.444			290
9	25.000	19.445	5.555	16.320	8.041	720	1.391	7.444			290
10	25.000	19.445	5.555	16.320	8.041	720	1.441	7.444			290
11	25.000	19.445	5.555	16.320	8.041	720	1.446	7.444			290
12	25.000	19.445	5.555	16.320	8.041	720	1.487	7.444			290
13	25.000	19.505	5.495	16.260	8.100	720	1.507	7.494			350
14	25.000	19.505	5.495	16.260	8.100	720	1.535	7.494			350
15	25.000	19.505	5.495	16.260	8.100	720	1.531	7.494			350
16	25.000	19.505	5.495	16.260	8.100	720	1.549	7.494			350
17	25.000	19.505	5.495	16.260	8.100	720	1.532	7.494			350
18	25.000	19.575	5.425	16.191	8.167	720	1.548	7.553			420
19	25.000	19.575	5.425	16.191	8.167	720	1.508	7.553			420
20	25.000	19.575	5.425	16.191	8.167	720	1.504	7.553			420
21	25.000	19.575	5.425	16.191	8.167	720	1.166	7.553			420
22	25.000	19.575	5.425	16.191	8.167	720	1.092	7.553			420

MINH HỌA PHÂN BỔ PHÍ

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN	PHÍ BẢO HIỂM ĐÓNG THÊM	PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỔ		PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG	PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO (Tại mức lãi suất đầu tư cam kết)		PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỔ TRỢ THAY ĐỔI THEO ĐỊNH KỲ NĂM		
				Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ		Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe toàn cầu	Hỗ trợ viện phí
23	25.000	19.655	5.345	16.112	8.245	720	894	7.620			500
24	25.000	19.655	5.345	16.112	8.245	720	747	7.620			500
25	25.000	19.655	5.345	16.112	8.245	720	439	7.620			500
26	25.000	19.655	5.345	16.112	8.245	720	207	7.620			500
27	25.000	19.655	5.345	16.112	8.245	720		7.620			500
28	25.000	19.855	5.145	15.914	8.439	720		7.788			700
29	25.000	19.855	5.145	15.914	8.439	720		7.788			700
30	25.000	19.855	5.145	15.914	8.439	720		7.788			700
31	25.000	19.855	5.145	15.914	8.439	720		7.788			700
32	25.000	19.855	5.145	15.914	8.439	720		7.788			700
33	25.000	20.055	4.945	15.716	8.633	720		7.956			900
34	25.000	20.055	4.945	15.716	8.633	720		7.956			900
35	25.000	20.055	4.945	15.716	8.633	720		7.956			900
36	25.000	20.055	4.945	15.716	8.633	720		7.956			900
37	25.000	20.055	4.945	15.716	8.633	720		7.956			900
38	25.000	20.255	4.745	15.518	8.827	720		8.124			1.100
39	25.000	20.255	4.745	15.518	8.827	720		8.124			1.100
40	25.000	20.255	4.745	15.518	8.827	720		8.124			1.100
41	25.000	20.255	4.745	15.518	8.827	720		8.124			1.100
42	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
43	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
44	25.000	11.155	13.845	24.527		720					

MINH HỌA PHÂN BỔ PHÍ

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN	PHÍ BẢO HIỂM ĐÓNG THÊM	PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỔ		PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG	PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO (Tại mức lãi suất đầu tư cam kết)		PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỔ TRỢ THAY ĐỔI THEO ĐỊNH KỲ NĂM		
				Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ		Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe toàn cầu	Hỗ trợ viện phí
45	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
46	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
47	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
48	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
49	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
50	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
51	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
52	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
53	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
54	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
55	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
56	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
57	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
58	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
59	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
60	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
61	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
62	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
63	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
64	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
65	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
66	25.000	11.155	13.845	24.527		720					

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI

Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại.

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng		**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**
Giá trị hoàn	Cam kết	-	-	5.922	22.071	36.809	54.497	74.130	96.884	118.057
lại tại các	4,5%/năm	-	-	7.105	24.323	40.535	60.251	82.373	108.327	133.162
mức lãi suất	6%/năm	-	-	7.867	25.760	42.916	63.951	87.721	115.828	143.178

Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi. Giá trị hoàn lại bằng với giá trị Tài khoản hợp đồng.

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN

THÔNG TIN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN	
Tổng số phí đóng dự kiến:	**1.650.000.000 đồng**
Tổng tiền rút ra dự kiến:	**0 đồng**

SỐ TIỀN NHẬN KHI ĐÁO HẠN	
Tại mức lãi suất đầu tư giả định 6%:	**19.903.769.700 đồng**
Tại mức lãi suất đầu tư giả định 4,5%:	**9.941.141.400 đồng**
Tại mức lãi suất đầu tư cam kết:	**1.866.700.300 đồng**

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Các giá trị nêu trong các Bảng minh họa bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi phụ thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng của khách hàng, định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Để biết thông tin chính xác giá trị tài khoản và tình trạng của Hợp đồng bảo hiểm, khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình.
- "Khoản tiền rút ra dự kiến" là số tiền được giả định là khách hàng rút từ giá trị Tài khoản hợp đồng. Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Khoản tiền rút từ giá trị Tài khoản hợp đồng có thể làm ảnh hưởng đến Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính và dẫn đến thay đổi sản phẩm bổ trợ tương ứng (thay đổi Số tiền bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực).
- Bên mua bảo hiểm cần đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn để đảm bảo giá trị Tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Tôi đồng ý rằng việc kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng có thể dẫn đến chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt toàn bộ hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả Giá trị hoàn lại (nếu có) và không chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào, không hoàn trả bất cứ khoản phí đã đóng nào.
- Cột Phí bảo hiểm sản phẩm bổ trợ thay đổi theo định kỳ năm chỉ thể hiện cho (các) sản phẩm có phí bảo hiểm thay đổi hàng năm theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm.

CÁC LOẠI PHÍ

- **Phí ban đầu**
  (Phí ban đầu của sản phẩm chính & Phí ban đầu/ phí khai thác của sản phẩm bổ trợ)

Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. với tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính & Sản phẩm bổ trợ)	75%	30%	25%	20%	10%	3%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%					1%

- **Phí bảo hiểm rủi ro**

Là khoản phí khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ trợ. Phí bảo hiểm rủi ro trong Bảng minh họa bên dưới chưa bao gồm phần phí tăng vì tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm.

- **Phí quản lý hợp đồng**

Là khoản phí khấu trừ hàng tháng liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng mỗi tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ, theo bảng sau:

Năm dương lịch	2023	2024	2025	2026	2027	2028+
Phí quản lý hợp đồng (đồng/ tháng)	42.500	45.900	49.500	53.400	57.600	60.000

- **Phí quản lý quỹ**

Tối đa là 2% giá trị Tài khoản hợp đồng/ năm để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư.

- **Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn**

Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ phí * Trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó. Tỷ lệ phí như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4 - 6	7	8	9	Từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ Phí	90%	75%	60%	40%	20%	0%

- **Phí rút tiền từ giá trị Tài khoản hợp đồng**

Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ GTTKHĐ. Tỷ lệ phí rút một phần GTTKHĐ bằng với tỷ lệ của phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ giữa khoản tiền Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút ra so với Giá trị hoàn lại tại thời điểm rút.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA CÁC SẢN PHẨM BỔ TRỢ

STBH: Số tiền bảo hiểm NĐBH: Người được bảo hiểm

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP	**QLBH Tử vong hoặc TTTBVV do tai nạn**	Nhận 100% STBH.
	QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt	Nhận 200% STBH.
	QLBH Thương tật do tai nạn	Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán.
	QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn	Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú.
SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ	**QLBH Hỗ trợ viện phí**	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/ đợt nằm viện, 100 ngày/năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/ phòng chăm sóc đặc biệt	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/ đợt nằm viện và 50 ngày/ năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/ đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/ năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Điều trị tại khoa/ phòng cấp cứu do tai nạn	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/ đợt nằm viện, 5 lần điều trị/ năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Hỗ trợ điều trị ngoại trú	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/ năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.	

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm bổ trợ để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

1- Tôi đã đọc và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa này.

2- Tôi đã hiểu rõ rằng:

- Tài liệu minh họa này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định và do đó có thể làm thay đổi các giá trị Tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
- Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa này.
- Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi giá trị Tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.

3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa này, cũng như quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia bảo hiểm.

4- Tôi đồng ý tham gia sản phẩm này và phải đọc kỹ nội dung Quy tắc và Điều khoản sản phẩm ngay khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành.

Ngày ký:_____ / _____ / _____

Chữ ký:_____

Họ và tên BMBH: Nguyễn Văn A

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm có tên nêu bên về chi tiết của Tài liệu minh họa này cũng như các nội dung của Quy tắc & Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Ngày ký:_____ / _____ / _____

Chữ ký:_____

Họ và tên TVTC: Product Dummy Agent
Mã số: 158424

Văn phòng của TVTC: PA

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ MINH HỌA KHI CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC TRANG VÀ CÁC TRANG CÓ CÙNG SỐ TÀI LIỆU MINH HỌA.

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

DAI-ICHI LIFE
Gắn bó dài lâu.

AN TÂM SONG HÀNH

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Bảo vệ 66 năm với Số tiền bảo hiểm 500.000.000 đồng

BẢO VỆ TÀI CHÍNH GIA ĐÌNH TRƯỚC RỦI RO

- **Nhận 500.000.000 đồng cộng giá trị Tài khoản hợp đồng**
Bảo vệ tài chính khi Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
- **Nhận 100.000.000 đồng hoặc 250.000.000 đồng**
Bảo vệ tài chính khi tử vong do tai nạn hoặc tử vong do tai nạn đặc biệt.
- **Lên đến 30.000.000 đồng**
Chu toàn hậu sự khi tử vong.
- **Song hành bảo vệ mà không tăng phí**
Bảo vệ thêm một người thân với quyền lợi bảo hiểm tai nạn mà không tăng phí

TÍCH LŨY TƯƠNG LAI VỮNG CHẮC

- Hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ Liên kết chung và đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết.
- **Nhận 2.378.157.300 đồng**
Tổng Thưởng Duy trì hợp đồng và Thưởng Gắn bó dài lâu.
- **Nhận 16.958.907.300 đồng**
Đáo hạn hợp đồng.

Các giá trị trên đây được minh họa tại mức lãi suất đầu tư 6%/năm.

*Quét QR code ngay để tận hưởng tiện ích **Dai-ichi Connect** giúp quản lý hợp đồng hiệu quả và yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nhanh chóng.*

0 0 0 4

TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM
Hoạt động kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn
theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH-ĐT cấp ngày 12/10/1999 và các Giấy phép điều chỉnh khác với vốn điều lệ gần 9.800 tỷ VNĐ.
Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
☎ Điện thoại: (028) 3810 0888 Fax: (028) 3997 3000 Website: https://www.dai-ichi-life.com.vn

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

		Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Người được bảo hiểm chính	**NĐBH.1**	Nguyễn Văn A	Nam	34	1
Bên mua bảo hiểm	**BMBH**	Nguyễn Văn A	Nam	34	1
Người được song hành bảo vệ	**NĐBH.2**	Nguyễn Văn B	Nam	32	1

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Người được bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm ban đầu (đồng)	Phí bảo hiểm cơ bản ban đầu (đồng/năm)
Sản phẩm chính: Bảo hiểm Liên kết chung **An Tâm Song Hành**	**NĐBH.1**	66	500.000.000	11.155.000
Sản phẩm bổ trợ:				
- BH Tai Nạn Cao Cấp	**NĐBH.1**	41	2.500.000.000	8.000.000
- BH Hỗ Trợ Viện Phí	**NĐBH.1**	gia hạn hàng năm	100.000	225.000

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ THEO ĐỊNH KỲ

Đơn vị tính: đồng	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm cơ bản ban đầu	19.380.000	9.690.000	4.845.100
Phí bảo hiểm cơ bản Sản phẩm chính	11.155.000	5.577.500	2.788.800
Phí bảo hiểm cơ bản các sản phẩm bổ trợ	8.225.000	4.112.500	2.056.300
Phí bảo hiểm đóng thêm năm đầu	5.620.000		
Tổng phí bảo hiểm dự kiến năm đầu	25.000.000		

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM
BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH

STBH: Số tiền bảo hiểm NĐBH: Người được bảo hiểm GTTKHĐ: giá trị Tài khoản hợp đồng

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI
QLBH Tử vong	NĐBH chính tử vong không do tai nạn	Nhận 500.000.000 đồng cộng GTTKHĐ hoặc giá trị lớn hơn của 500.000.000 đồng và GTTKHĐ nếu tử vong xảy ra từ tuổi 70 trở đi.
	NĐBH chính tử vong do tai nạn trước tuổi 66	Thêm 100.000.000 đồng.
	NĐBH chính tử vong do tai nạn đặc biệt trước tuổi 66	Thêm 250.000.000 đồng.
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	NĐBH chính thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 66	Nhận 500.000.000 đồng cộng GTTKHĐ.
QLBH Chu toàn hậu sự	Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH tử vong	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng.
QLBH Song hành bảo vệ	Người được song hành bảo vệ tử vong do tai nạn trước tuổi 66	Thêm 100.000.000 đồng.
	Người được song hành bảo vệ tử vong do tai nạn đặc biệt trước tuổi 66	Thêm 250.000.000 đồng.
QLBH Tăng bảo vệ các sự kiện đặc biệt	NĐBH chính kết hôn/ sinh con; hoặc Con của NĐBH chính vào học cấp 1/ 2/ 3, Cao đẳng hoặc Đại học	Yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm mà không cần thẩm định lại sức khỏe.

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ	SỰ KIỆN	QUYỀN LỢI
Quyền lợi Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung	Hàng tháng, hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung. Lãi suất đầu tư thực tế có thể tăng/giảm nhưng mọi trường hợp sẽ không thấp hơn lãi suất cam kết dưới đây:	

Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 25	Từ năm thứ 26 trở đi
Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)	3%	2%	1%	0,50%	0,25%

Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng	Vào ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 4 và đều đặn vào mỗi 2 năm sau đó	Nhận 2% GTTKHĐ trung bình của 24 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.
Quyền lợi Thưởng Gắn bó dài lâu	Vào ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10 và 20	Nhận 10% GTTKHĐ trung bình của 120 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm	Nhận 100% GTTKHĐ.

Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm.

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ| TUỔI NĐBH	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	GIÁ TRỊ MINH HỌA ĐẢM BẢO TẠI LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				GIÁ TRỊ MINH HỌA KHÔNG ĐẢM BẢO TẠI CÁC MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				KHOẢN TIỀN RÚT RA DỰ KIẾN
		Cam kết				4,5%/năm		6%/năm		
		STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ trợ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	
1 | 34	25.000	500.000	2.500.100		1.549		1.633		1.716	
2 | 35	25.000	500.000	2.500.100		11.865		12.346		12.673	
3 | 36	25.000	500.000	2.500.100		23.251		24.429		25.187	
4 | 37	25.000	500.000	2.500.100	669	36.387	695	38.626	712	40.053	
5 | 38	25.000	500.000	2.500.100		50.972		54.667		57.029	
6 | 39	25.000	500.000	2.500.100	1.258	68.436	1.335	74.131	1.385	77.792	
7 | 40	25.000	500.000	2.500.100		84.864		93.006		98.287	
8 | 41	25.000	500.000	2.500.100	1.935	103.365	2.103	114.638	2.212	122.027	
9 | 42	25.000	500.000	2.500.100		120.153		134.993		144.830	
10 | 43	25.000	500.000	2.500.100	9.360	146.476	10.241	166.342	10.822	179.658	
11 | 44	25.000	500.000	2.500.100		162.141		188.685		205.579	
12 | 45	25.000	500.000	2.500.100	3.479	181.261	4.020	215.870	4.364	237.232	
13 | 46	25.000	500.000	2.500.100		196.845		240.005		266.167	
14 | 47	25.000	500.000	2.500.100	4.173	216.552	5.048	270.065	5.579	302.204	
15 | 48	25.000	500.000	2.500.100		232.061		296.204		334.598	
16 | 49	25.000	500.000	2.500.100	4.870	251.098	6.174	329.441	6.951	375.632	
17 | 50	25.000	500.000	2.500.100		265.089		357.724		411.900	
18 | 51	25.000	500.000	2.500.100	5.535	284.309	7.406	394.302	8.500	458.457	
19 | 52	25.000	500.000	2.500.100		297.740		424.761		498.946	
20 | 53	25.000	500.000	2.500.100	30.433	341.269	40.146	496.327	45.883	587.335	
21 | 54	25.000	500.000	2.500.100		354.142		530.517		634.689	
22 | 55	25.000	500.000	2.500.100	7.315	373.917	10.867	576.626	12.967	697.361	
23 | 56	25.000	500.000	2.500.100		385.901		613.354		750.234	

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ| TUỔI NĐBH	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	GIÁ TRỊ MINH HỌA ĐẢM BẢO TẠI LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				GIÁ TRỊ MINH HỌA KHÔNG ĐẢM BẢO TẠI CÁC MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				KHOẢN TIỀN RÚT RA DỰ KIẾN
		Cam kết				4,5%/năm		6%/năm		
		STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ trợ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	
24 | 57	25.000	500.000	2.500.100	7.949	405.358	12.526	663.715	15.283	821.012	
25 | 58	25.000	500.000	2.500.100		416.392		703.232		880.164	
26 | 59	25.000	500.000	2.500.100	8.552	434.331	14.326	758.218	17.888	960.113	
27 | 60	25.000	500.000	2.500.100		443.072		800.645		1.026.260	
28 | 61	25.000	500.000	2.500.100	9.087	459.969	16.275	860.282	20.816	1.116.207	
29 | 62	25.000	500.000	2.500.100		466.940		905.426		1.189.828	
30 | 63	25.000	500.000	2.500.100	9.563	482.504	18.373	969.966	24.095	1.290.944	
31 | 64	25.000	500.000	2.500.100		487.453		1.017.920		1.372.906	
32 | 65	25.000	500.000	2.500.100	9.970	501.208	20.625	1.087.454	27.764	1.486.337	
33 | 66	25.000	500.000	2.500.100		503.597		1.138.029		1.577.337	
34 | 67	25.000	500.000	2.500.100	10.290	514.952	23.029	1.212.548	31.861	1.704.286	
35 | 68	25.000	500.000	2.500.100		514.612		1.265.926		1.805.514	
36 | 69	25.000	500.000	2.500.100	10.507	523.197	25.588	1.345.677	36.434	1.947.620	
37 | 70	25.000	500.000	2.500.100		540.227		1.422.791		2.081.331	
38 | 71	25.000	500.000	2.500.100	11.041	568.168	28.757	1.531.956	41.993	2.264.881	
39 | 72	25.000	500.000	2.500.100		585.139		1.617.276		2.417.450	
40 | 73	25.000	500.000	2.500.100	11.940	614.092	32.656	1.739.092	48.736	2.627.910	
41 | 74	25.000	500.000	2.500.100		631.177		1.833.733		2.802.262	
42 | 75	25.000	500.000		12.907	669.529	37.041	1.978.185	56.502	3.052.155	
43 | 76	25.000	500.000			695.070		2.092.097		3.260.540	
44 | 77	25.000	500.000		14.148	734.823	42.183	2.253.317	65.659	3.547.086	
45 | 78	25.000	500.000			760.527		2.379.610		3.785.166	
46 | 79	25.000	500.000		15.457	801.753	47.945	2.559.531	76.183	4.113.714	

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ| TUỔI NĐBH	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	GIÁ TRỊ MINH HỌA ĐẢM BẢO TẠI LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				GIÁ TRỊ MINH HỌA KHÔNG ĐẢM BẢO TẠI CÁC MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				KHOẢN TIỀN RÚT RA DỰ KIẾN
		Cam kết				4,5%/năm		6%/năm		
		STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ trợ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	
47 | 80	25.000	500.000			827.624		2.699.603		4.385.792	
48 | 81	25.000	500.000		16.799	870.360	54.359	2.900.337	88.231	4.762.427	
49 | 82	25.000	500.000			896.403		3.055.745		5.073.428	
50 | 83	25.000	500.000		18.175	940.686	61.497	3.279.644	102.025	5.505.114	
51 | 84	25.000	500.000			966.905		3.452.122		5.860.676	
52 | 85	25.000	500.000		19.585	1.012.774	69.442	3.701.802	117.817	6.355.389	
53 | 86	25.000	500.000			1.039.174		3.893.277		6.761.968	
54 | 87	25.000	500.000		21.031	1.086.669	78.284	4.171.651	135.897	7.328.838	
55 | 88	25.000	500.000			1.113.253		4.384.269		7.793.824	
56 | 89	25.000	500.000		22.512	1.162.416	88.125	4.694.579	156.596	8.443.305	
57 | 90	25.000	500.000			1.189.189		4.930.728		8.975.158	
58 | 91	25.000	500.000		24.031	1.240.061	99.078	5.276.582	180.294	9.719.216	
59 | 92	25.000	500.000			1.267.028		5.538.922		10.327.625	
60 | 93	25.000	500.000		25.588	1.319.651	111.268	5.924.334	207.424	11.179.961	
61 | 94	25.000	500.000			1.346.818		6.215.822		11.876.015	
62 | 95	25.000	500.000		27.184	1.401.236	124.835	6.645.263	238.485	12.852.315	
63 | 96	25.000	500.000			1.428.606		6.969.193		13.648.710	
64 | 97	25.000	500.000		28.820	1.484.865	139.935	7.447.635	274.045	14.766.932	
65 | 98	25.000	500.000			1.512.445		7.807.671		15.678.204	
66 | 99	25.000	500.000		30.497	1.570.590	156.741	8.340.651	314.756	16.958.907	
Tổng cộng	1.650.000			434.660		1.390.926		2.378.157		

MINH HỌA PHÂN BỔ PHÍ

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN	PHÍ BẢO HIỂM ĐÓNG THÊM	PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỔ		PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG	PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO (Tại mức lãi suất đầu tư cam kết)		PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỔ TRỢ THAY ĐỔI THEO ĐỊNH KỲ NĂM		
				Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ		Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe toàn cầu	Hỗ trợ viện phí
1	25.000	19.380	5.620	8.296	2.056	554	1.025	7.390			225
2	25.000	19.380	5.620	13.316	5.758	598	1.085	7.390			225
3	25.000	19.380	5.620	13.874	6.169	645	1.160	7.390			225
4	25.000	19.380	5.620	14.432	6.580	694	1.246	7.390			225
5	25.000	19.380	5.620	15.547	7.403	720	1.340	7.390			225
6	25.000	19.380	5.620	16.384	7.978	720	1.450	7.390			225
7	25.000	19.380	5.620	16.384	7.978	720	1.576	7.390			225
8	25.000	19.445	5.555	16.320	8.041	720	1.710	7.444			290
9	25.000	19.445	5.555	16.320	8.041	720	1.855	7.444			290
10	25.000	19.445	5.555	16.320	8.041	720	2.015	7.444			290
11	25.000	19.445	5.555	16.320	8.041	720	2.185	7.444			290
12	25.000	19.445	5.555	16.320	8.041	720	2.365	7.444			290
13	25.000	19.505	5.495	16.260	8.100	720	2.560	7.494			350
14	25.000	19.505	5.495	16.260	8.100	720	2.765	7.494			350
15	25.000	19.505	5.495	16.260	8.100	720	2.986	7.494			350
16	25.000	19.505	5.495	16.260	8.100	720	3.230	7.494			350
17	25.000	19.505	5.495	16.260	8.100	720	3.500	7.494			350
18	25.000	19.575	5.425	16.191	8.167	720	3.815	7.553			420
19	25.000	19.575	5.425	16.191	8.167	720	4.165	7.553			420
20	25.000	19.575	5.425	16.191	8.167	720	4.565	7.553			420
21	25.000	19.575	5.425	16.191	8.167	720	5.005	7.553			420
22	25.000	19.575	5.425	16.191	8.167	720	5.480	7.553			420

MINH HỌA PHÂN BỔ PHÍ

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN	PHÍ BẢO HIỂM ĐÓNG THÊM	PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỔ		PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG	PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO (Tại mức lãi suất đầu tư cam kết)		PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỔ TRỢ THAY ĐỔI THEO ĐỊNH KỲ NĂM		
				Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ		Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe toàn cầu	Hỗ trợ viện phí
23	25.000	19.655	5.345	16.112	8.245	720	5.986	7.620			500
24	25.000	19.655	5.345	16.112	8.245	720	6.520	7.620			500
25	25.000	19.655	5.345	16.112	8.245	720	7.090	7.620			500
26	25.000	19.655	5.345	16.112	8.245	720	7.710	7.620			500
27	25.000	19.655	5.345	16.112	8.245	720	8.400	7.620			500
28	25.000	19.855	5.145	15.914	8.439	720	9.180	7.788			700
29	25.000	19.855	5.145	15.914	8.439	720	10.060	7.788			700
30	25.000	19.855	5.145	15.914	8.439	720	11.045	7.788			700
31	25.000	19.855	5.145	15.914	8.439	720	12.136	7.788			700
32	25.000	19.855	5.145	15.914	8.439	720	13.310	7.788			700
33	25.000	20.055	4.945	15.716	8.633	720	14.566	7.956			900
34	25.000	20.055	4.945	15.716	8.633	720	15.895	7.956			900
35	25.000	20.055	4.945	15.716	8.633	720	17.326	7.956			900
36	25.000	20.055	4.945	15.716	8.633	720	18.905	7.956			900
37	25.000	20.055	4.945	15.716	8.633	720		7.956			900
38	25.000	20.255	4.745	15.518	8.827	720		8.124			1.100
39	25.000	20.255	4.745	15.518	8.827	720		8.124			1.100
40	25.000	20.255	4.745	15.518	8.827	720		8.124			1.100
41	25.000	20.255	4.745	15.518	8.827	720		8.124			1.100
42	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
43	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
44	25.000	11.155	13.845	24.527		720					

MINH HỌA PHÂN BỔ PHÍ

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN	PHÍ BẢO HIỂM ĐÓNG THÊM	PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỔ		PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG	PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO (Tại mức lãi suất đầu tư cam kết)		PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỔ TRỢ THAY ĐỔI THEO ĐỊNH KỲ NĂM		
				Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ		Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe toàn cầu	Hỗ trợ viện phí
45	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
46	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
47	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
48	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
49	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
50	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
51	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
52	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
53	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
54	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
55	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
56	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
57	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
58	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
59	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
60	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
61	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
62	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
63	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
64	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
65	25.000	11.155	13.845	24.527		720					
66	25.000	11.155	13.845	24.527		720					

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI

Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại.

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng		**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**
Giá trị hoàn	Cam kết	-	-	5.809	21.852	36.437	53.901	73.236	95.587	116.264
lại tại các	4,5%/năm	-	-	6.987	24.091	40.132	59.596	81.378	106.860	131.104
mức lãi suất	6%/năm	-	-	7.745	25.518	42.494	63.257	86.659	114.249	140.941

Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi. Giá trị hoàn lại bằng với giá trị Tài khoản hợp đồng.

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN

THÔNG TIN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN	
Tổng số phí đóng dự kiến:	**1.650.000.000 đồng**
Tổng tiền rút ra dự kiến:	**0 đồng**

SỐ TIỀN NHẬN KHI ĐÁO HẠN	
Tại mức lãi suất đầu tư giả định 6%:	**16.958.907.300 đồng**
Tại mức lãi suất đầu tư giả định 4,5%:	**8.340.650.500 đồng**
Tại mức lãi suất đầu tư cam kết:	**1.570.589.900 đồng**

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Các giá trị nêu trong các Bảng minh họa bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi phụ thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng của khách hàng, định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Để biết thông tin chính xác giá trị tài khoản và tình trạng của Hợp đồng bảo hiểm, khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình.
- "Khoản tiền rút ra dự kiến" là số tiền được giả định là khách hàng rút từ giá trị Tài khoản hợp đồng. Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Khoản tiền rút từ giá trị Tài khoản hợp đồng có thể làm ảnh hưởng đến Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính và dẫn đến thay đổi sản phẩm bổ trợ tương ứng (thay đổi Số tiền bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực).
- Bên mua bảo hiểm cần đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn để đảm bảo giá trị Tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Tôi đồng ý rằng việc kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng có thể dẫn đến chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt toàn bộ hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả Giá trị hoàn lại (nếu có) và không chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào, không hoàn trả bất cứ khoản phí đã đóng nào.
- Cột Phí bảo hiểm sản phẩm bổ trợ thay đổi theo định kỳ năm chỉ thể hiện cho (các) sản phẩm có phí bảo hiểm thay đổi hàng năm theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm.

CÁC LOẠI PHÍ

- **Phí ban đầu**
  (Phí ban đầu của sản phẩm chính & Phí ban đầu/ phí khai thác của sản phẩm bổ trợ)

Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. với tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính & Sản phẩm bổ trợ)	75%	30%	25%	20%	10%	3%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%					1%

- **Phí bảo hiểm rủi ro**

Là khoản phí khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ trợ. Phí bảo hiểm rủi ro trong Bảng minh họa bên dưới chưa bao gồm phần phí tăng vì tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm.

- **Phí quản lý hợp đồng**

Là khoản phí khấu trừ hàng tháng liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng mỗi tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ, theo bảng sau:

Năm dương lịch	2023	2024	2025	2026	2027	2028+
Phí quản lý hợp đồng (đồng/ tháng)	42.500	45.900	49.500	53.400	57.600	60.000

- **Phí quản lý quỹ**

Tối đa là 2% giá trị Tài khoản hợp đồng/ năm để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư.

- **Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn**

Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ phí * Trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó. Tỷ lệ phí như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4 - 6	7	8	9	Từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ Phí	90%	75%	60%	40%	20%	0%

- **Phí rút tiền từ giá trị Tài khoản hợp đồng**

Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ GTTKHĐ. Tỷ lệ phí rút một phần GTTKHĐ bằng với tỷ lệ của phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ giữa khoản tiền Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút ra so với Giá trị hoàn lại tại thời điểm rút.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA CÁC SẢN PHẨM BỔ TRỢ

STBH: Số tiền bảo hiểm NĐBH: Người được bảo hiểm

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP	**QLBH Tử vong hoặc TTTBVV do tai nạn**	Nhận 100% STBH.
	QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt	Nhận 200% STBH.
	QLBH Thương tật do tai nạn	Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán.
	QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn	Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú.
SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ	**QLBH Hỗ trợ viện phí**	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/ đợt nằm viện, 100 ngày/năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/ phòng chăm sóc đặc biệt	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/ đợt nằm viện và 50 ngày/ năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/ đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/ năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Điều trị tại khoa/ phòng cấp cứu do tai nạn	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/ đợt nằm viện, 5 lần điều trị/ năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Hỗ trợ điều trị ngoại trú	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/ năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.	

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm bổ trợ để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

1- Tôi đã đọc và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa này.

2- Tôi đã hiểu rõ rằng:

- Tài liệu minh họa này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định và do đó có thể làm thay đổi các giá trị Tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
- Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa này.
- Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi giá trị Tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.

3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa này, cũng như quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia bảo hiểm.

4- Tôi đồng ý tham gia sản phẩm này và phải đọc kỹ nội dung Quy tắc và Điều khoản sản phẩm ngay khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành.

Ngày ký:_____ / _____ / _____

Chữ ký:_____

Họ và tên BMBH: Nguyễn Văn A

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm có tên nêu bên về chi tiết của Tài liệu minh họa này cũng như các nội dung của Quy tắc & Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Ngày ký:_____ / _____ / _____

Chữ ký:_____

Họ và tên TVTC: Product Dummy Agent
Mã số: 158424

Văn phòng của TVTC: PA

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ MINH HỌA KHI CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC TRANG VÀ CÁC TRANG CÓ CÙNG SỐ TÀI LIỆU MINH HỌA.